

Số: 35/2026/QĐ-UBND

Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và phân cấp quản lý tổ chức bộ máy,
vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền
Ủy ban nhân dân thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên

môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 172/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định về quản lý và phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 và thay thế Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các hồ sơ đang giải quyết về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức trước khi Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Thừa Thiên Huế về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các hội được Nhà nước giao biên chế; các quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Tổ chức pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố;
- UBND thành phố: CT và các PCT;
- HĐND các xã, phường;
- VP UBND thành phố: LĐ và các CV;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Toàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý và phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Huế
(Kèm theo Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2026
Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý và phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức thành phố Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.
- Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Các phòng chuyên môn (bao gồm Văn phòng), Chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.
- Các phòng chuyên môn (bao gồm Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân), tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, doanh nghiệp Nhà nước.
- Cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước thành phố, cấp xã; cán bộ, công chức làm việc tại các Hội được giao biên chế, các Doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và phân cấp quản lý

- Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân cấp của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản có liên quan.
- Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong phạm vi toàn thành phố nhưng có sự phân công, phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn quản lý cho các ngành, các cấp; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các công tác được phân công, phân cấp quản lý của các ngành, các cấp.

3. Bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ.

Điều 4. Nội dung quản lý

1. Về tổ chức bộ máy, biên chế:

a) Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hoặc điều chỉnh tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ để hình thành đơn vị mới, giải thể các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; các phòng chuyên môn và tương đương, Chi cục và tương đương, các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

b) Xây dựng kế hoạch biên chế công chức.

2. Về cán bộ, công chức:

a) Tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu;

b) Phân công, bố trí, kiểm tra, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác;

c) Xây dựng Đề án vị trí việc làm; quyết định danh mục, số lượng vị trí việc làm; quản lý vị trí việc làm theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

a) Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người giữ chức danh, chức vụ và Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Đánh giá, cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương II CÔNG TÁC TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 5. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 10; khoản 6, 7, 8 Điều 16; khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

khoản 2 Điều 19 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết tắt là Nghị định số 150/2025/NĐ-CP); Điều 9 Nghị định 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP; Điều 16 Nghị định 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; khoản 2 Điều 37 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội (viết tắt là Nghị định số 126/2024/NĐ-CP), cụ thể:

1. Quyết định cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Quyết định khung số lượng, tên gọi và chức năng các phòng chuyên môn để áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; chỉ cục và tương đương thuộc sở.

3. Quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Quyết định số lượng Phó Giám đốc sở và tương đương, số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân của từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Trình Hội đồng nhân dân thành phố kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã và triển khai thực hiện sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Quyết định phân bổ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã cho các đơn vị sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Quyết định điều chỉnh biên chế công chức giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, giữa các Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Xây dựng hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8. Quyết định danh sách các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, cấp xã.

Điều 6. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 03/2026/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (viết tắt là Nghị định số 03/2026/NĐ-CP); khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ, cụ thể như sau:

1. Quyết định thành lập, kiện toàn, giải thể các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành thành phố.
2. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên quỹ; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận Hội đồng quản lý quỹ; mở rộng phạm vi hoạt động; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung điều lệ đối với quỹ hoạt động trong phạm vi thành phố; quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động trong phạm vi thành phố, xã.
3. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố.
4. Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã; quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố.
5. Quyết định công nhận xã An toàn khu.

Điều 7. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP, Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thành phố Huế (viết tắt là Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND), cụ thể:

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quy định này.
2. Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc theo giai đoạn, điều chỉnh biên chế công chức để thẩm định, gửi Bộ Nội vụ theo quy định. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định biên chế công chức của cơ quan, tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, cấp xã trong tổng số biên chế công chức được cấp

có thẩm quyền giao. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện sau khi Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về tình hình quản lý biên chế công chức theo quy định của Bộ Nội vụ và cấp có thẩm quyền liên quan.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tổ chức bộ máy và biên chế công chức đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Lập hồ sơ Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

6. Thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã, phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

7. Thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 8. Thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn thuộc Sở; các phòng, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục và tương đương thuộc Sở theo quy định của pháp luật, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và tương đương thuộc Sở, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở.

4. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức của các phòng chuyên môn, Chi cục và tương đương thuộc Sở gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Phân bổ, điều chỉnh biên chế công chức cho các phòng chuyên môn, Chi cục và tương đương thuộc Sở; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình quản lý và sử dụng biên chế công chức.

Điều 9. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 150/2025/NĐ-CP; Nghị định số 370/2025/NĐ-CP, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 367/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét ban hành nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, thay đổi tên gọi phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố, bộ quản lý ngành, lĩnh vực; căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và số lượng Phó Trưởng phòng bình quân của phòng theo quy định, quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn thuộc phạm vi quản lý.

3. Quản lý biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính của chính quyền địa phương cấp mình; thực hiện quản lý tổ chức, hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

4. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.

Điều 10. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Nghị định số 03/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi xã; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại, cho phép tổ chức đại hội đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.

2. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên quỹ; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận Hội đồng quản lý quỹ; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung đối với quỹ có hoạt động trong phạm vi xã; trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản thành lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 03/2026/NĐ-CP.

3. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức của phòng chuyên môn hoặc điều chỉnh biên chế công chức gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình quản lý và sử dụng biên chế công chức.

Chương III

CÔNG TÁC QUY HOẠCH, BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, KÉO DÀI THỜI GIAN GIỮ CHỨC VỤ ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU, GIỚI THIỆU ỨNG CỬ, ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BIỆT PHÁI, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM, KỶ LUẬT, TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC, CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, THÔI VIỆC, NGHỈ HƯU, ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Điều 11. Thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý công chức lãnh đạo, quản lý giữ các chức vụ:

a) Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Cấp trưởng các chi cục và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Người quản lý giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định.

2. Phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý công chức lãnh đạo, quản lý giữ các chức vụ:

a) Cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn và tương đương;

b) Cấp phó các chi cục và tương đương;

c) Cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Chi cục và tương đương;

d) Cấp trưởng các chi cục và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố đã nghỉ hưu.

3. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Luật Cán bộ, công chức; Nghị định số 170/2025/NĐ-CP; Nghị định số 172/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, cụ thể như sau:

1. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này.

2. Quyết định giao nhiệm vụ, phân công hoặc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý giữ các chức danh, chức vụ có cơ cấu kiêm nhiệm của các tổ chức phối hợp liên ngành, hội, quỹ và các tổ chức khác có cơ cấu chức danh kiêm nhiệm theo quy định.

3. Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND, cụ thể:

1. Phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố tiếp nhận và thẩm định hồ sơ quy hoạch cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý giữ chức danh cấp trưởng các chi cục và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên; trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, cho từ chức hoặc cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và các chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy định này.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 11 và Điều 12 của Quy định này.

4. Kiểm tra việc thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, điều động, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Quy định này.

5. Thẩm định hồ sơ theo đề nghị của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Điều 14. Thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Xây dựng và thực hiện công tác quy hoạch công chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo danh sách quy hoạch từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công tác cán bộ.

2. Trình văn bản đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, kỷ luật đối với công chức lãnh đạo, quản lý do Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định (thông qua Sở Nội vụ).

3. Cho ý kiến bằng văn bản về việc công chức thuộc thẩm quyền quản lý và đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 tham gia ban vận động thành lập hội, ban chấp hành, ban thường vụ hoặc giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội; sáng lập viên thành lập và hội đồng quản lý quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 15. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

1. Xây dựng và thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý. Định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo danh sách quy hoạch từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công tác cán bộ.

2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác sử dụng, quản lý công chức trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu, điều động, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, thôi việc, nghỉ hưu, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương IV

CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 16. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

Ban hành Kế hoạch tuyển dụng, quyết định tuyển dụng công chức theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức; Nghị định số 170/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

Điều 17. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức; Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng; Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển.
2. Quyết định xếp ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.
3. Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân quản lý.
4. Quyết định xếp ngạch đối với công chức khi thay đổi vị trí việc làm thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.
5. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính đối với công chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.
6. Quyết định tiếp nhận vào làm công chức các trường hợp quy định tại điểm a, điểm d, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 13, Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
7. Quyết định việc kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 18. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP và Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 05/3/2025, cụ thể:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các kế hoạch, quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 16 và Điều 17 Quy định này.
2. Thống kê, tổng hợp báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định của Bộ Nội vụ.
3. Kiểm tra việc thi hành các quy định về quản lý cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp xã.
4. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố bãi bỏ liên quan đến công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức.

Điều 19. Thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức (viết tắt là Nghị định số 335/2025/NĐ-CP), cụ thể:

1. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức gửi Sở Nội vụ tổng hợp, lập kế hoạch tuyển dụng công chức.
2. Lập danh sách, hồ sơ công chức đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn đề nghị Sở Nội vụ quyết định hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định đối với các chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.
3. Thống kê, báo cáo số lượng và chất lượng công chức thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Nội vụ định kỳ 6 tháng, năm.
4. Tổ chức việc nhận xét, đánh giá công chức hàng năm theo quy định; thực hiện công tác kỷ luật công chức theo thẩm quyền.
5. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của công chức thuộc phạm vi quản lý.
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 20. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, Nghị định số 335/2025/NĐ-CP cụ thể:

1. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức gửi Sở Nội vụ tổng hợp lập kế hoạch tuyển dụng công chức.
2. Lập danh sách, hồ sơ cán bộ, công chức đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn đề nghị Sở Nội vụ quyết định hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) xem xét quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.
3. Thông kê, báo cáo số lượng và chất lượng cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Nội vụ định kỳ 6 tháng, năm.
4. Tổ chức việc nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức hàng năm theo quy định; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.
5. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý.
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương V

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 21. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức (viết tắt là Nghị định số 171/2025/NĐ-CP), cụ thể:

1. Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm và từng giai đoạn.
2. Quyết định cử cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành phố (sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Thành ủy), Ủy ban nhân dân thành phố (sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố) đi bồi dưỡng đào tạo sau đại học.
3. Quyết định cử cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, học tập ở nước ngoài.

4. Quyết định cử cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý tham dự các lớp bồi dưỡng trong kế hoạch hoặc đề án đào tạo, bồi dưỡng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP và Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND, cụ thể:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm và từng giai đoạn.

2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được phê duyệt.

3. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức vụ quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 21 Quy định này.

Điều 23. Thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP, cụ thể:

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đã được phê duyệt.

3. Tổng hợp danh sách đề nghị Sở Nội vụ tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức vụ quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 21 Quy định này.

4. Cử cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ; đi đào tạo sau đại học ở trong nước; đi bồi dưỡng các nội dung theo quy định.

5. Tạo điều kiện cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý tự học tập, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công việc đang đảm nhiệm, nếu xét thấy hợp lý về thời gian và công việc.

Chương VI

VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ TỶ LỆ CÔNG CHỨC BỐ TRÍ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Điều 24. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức (viết tắt là Nghị định số 361/2025/NĐ-CP), cụ thể:

1. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về vị trí việc làm công chức, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 25. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

1. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP và Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND, cụ thể:

a) Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung về vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo thẩm quyền quy định tại Điều 24 Quy định này;

b) Hướng dẫn việc xác định vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm sử dụng trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Hàng năm, tổng hợp báo cáo các nội dung về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định.

2. Phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 26. Thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Xác định vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm sử dụng trong cơ quan, tổ chức mình gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định;

b) Thực hiện việc bố trí công chức thuộc phạm vi quản lý vào vị trí việc làm theo đúng tỷ lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của các văn bản có liên quan;

c) Hàng năm, tổng hợp báo cáo các nội dung về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm cho cơ quan có thẩm quyền quản lý theo đúng nội dung yêu cầu và thời gian quy định (thông qua Sở Nội vụ).

2. Phân công cho các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.